

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHẤP HÀNH NGUỒN NSNN NĂM 2021

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
I	Tổng số thu từ phí, lệ phí, thu khác		
1	Số thu phí, lệ phí, thu khác		
2	Chi từ nguồn thu phí, thu khác được để lại		
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
2.2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ		
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.292.080.000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên từ ngân sách	4.617.477.000	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên từ ngân sách	1.674.603.000	
	NGUỒN 13		
	Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân	3.545.512.000	
	Mục 6000:	1.263.530.000	
6001	Lương theo ngạch bậc	1.263.530.000	
6049	Lương khác	-	
	Mục 6050:	172.800.000	
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	172.800.000	
6099	Tiền công khác	-	
	Mục 6100:	1.288.292.000	
6101	Phụ cấp chức vụ	29.040.000	
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	311.406.000	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	418.655.000	
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	17.880.000	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	186.748.000	
6116	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	324.563.000	
	Mục 6150:	-	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	-	
6199	Các khoản hỗ trợ khác	-	
	Mục 6200:	-	
6201	Thưởng thường xuyên	-	
	Mục 6300:	397.590.000	
6301	Bảo hiểm xã hội	289.121.000	



STT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
6302	Bảo hiểm y tế	58.906.000	
6303	Kinh phí công đoàn	33.042.000	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	16.521.000	
	Mục 6400:	423.300.000	
6401	Tiền ăn	-	
6404	Chi chênh lệch TNTT so với lương ngạch bậc, chức vụ	-	
6406	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	-	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	423.300.000	
	Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hóa, dịch vụ	404.327.000,00	
	Mục 6500:	120.000.000	
6501	Thanh toán tiền điện	60.000.000	
6502	Thanh toán tiền nước	60.000.000	
6503	Thanh toán tiền nhiên liệu	-	
6504	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường	-	
	Mục 6550:	72.000.000	
6551	Văn phòng phẩm	36.000.000	
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	-	
6599	Vật tư văn phòng khác	36.000.000	
	Mục 6600:	8.000.000	
6601	Cước phí điện thoại trong nước	6.000.000	
6618	Khoản điện thoại	2.000.000	
	Mục 6650:	-	
6699	Chi phí khác	-	
	Mục 6700:	18.000.000	
6704	Khoản công tác phí	18.000.000	
	Mục 6750:	172.800.000	
6757	Thuê lao động trong nước	172.800.000	
6799	Chi phí thuê mướn khác	-	
	Mục 6900:	13.527.000	
6907	Nhà cửa	13.527.000	
6912	Các thiết bị tin học	-	
6949	Các TS và công trình cơ sở hạ tầng khác	-	
	Mục 7000:	-	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	-	
7003	Chi mua in ấn, photo tài liệu chi dùng cho chuyên môn ngành	-	
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành	-	
7012	Chi thanh toán HĐ thực hiện nghiệp vụ chuyên môn	-	
7049	Chi khác	-	
	Tiểu nhóm 0132: Các khoản chi khác	33.500.000	
	Mục 7750:	33.500.000	
7757	Phần mềm kế toán, bản in, chữ ký số...	20.000.000	
7761	Chi tiếp khách	-	
7764	Chi lập quỹ khen thưởng theo CĐ quy định	13.500.000	
7766	Cấp bù học phí cho các cơ sở GD đào tạo theo chế độ	-	
7799	Chi các khoản khác	-	
	Mục 7950:	-	

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
7952	Chi lập quỹ phúc lợi	-	
7953	Chi lập quỹ khen thưởng	-	
7954	Chi lập quỹ PT hoạt động SN	-	
7999	Chi lập các quỹ khác	-	
NGUỒN 14			
Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân		634.138.000	
	Mục 6000:	352.281.000	
6001	Lương theo ngạch, bậc	264.821.000	
6049	Lương khác (10% tiết kiệm)	87.460.000	
	Mục 6100:	207.903.000	
6101	Phụ cấp chức vụ	6.720.000	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	96.879.000	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	43.156.000	
6116	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	61.148.000	
	Mục 6300:	73.954.000	
6301	Bảo hiểm xã hội	55.072.000	
6302	Bảo hiểm y tế	9.441.000	
6303	Kinh phí công đoàn	6.294.000	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	3.147.000	
	Mục 6400:	1.674.603.000	
6401	Tiền ăn	-	
6404	Chi chênh lệch TNTT so với lương ngạch bậc, chức vụ	-	
6406	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	-	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	1.674.603.000	

Kế toán



Đặng Trần Ngọc Vân

Ngày 24 tháng 01 năm 2021

Hiệu trưởng



Nguyễn Ngọc Trinh

